

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

Số: 88/2024/VC-VNC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 8 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: -Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Vinacap Kim Long thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

- Mã chứng khoán: VTE
- Địa chỉ: Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.35377989 Fax:
- Email: [vinacap@vinacap.vn](mailto:vinacap@vinacap.vn) Website: <https://vinacap.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên 2024

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: /08/2024 tại đường dẫn: <https://vinacap.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên 2024

- Văn bản giải trình BCTC

**Đại diện tổ chức**

**Người đại diện theo pháp luật**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Ngô Hữu Tâm*



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024  
(đã được soát xét)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-33

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

Độc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long (tiền thân là Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102306413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Độc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Hoàng Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên
Ông Ngô Hữu Tâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Hữu Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Văn Ninh	Trưởng ban
Ông Vũ Hoàng Công	Thành viên
Ông Đinh Quang Hữu	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ngô Hữu Tâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024

Số: 080824.002/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long được lập ngày 05 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh-doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2024

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>270.835.692.093</b>	<b>268.183.893.094</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.728.174.822	25.329.997.128
111	1. Tiền		17.728.174.822	25.329.997.128
130	II Các khoản phải thu ngắn hạn		120.389.327.182	123.941.971.397
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	118.106.966.170	122.603.866.394
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.155.967.097	1.376.328.489
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	721.227.892	1.556.610.491
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.594.833.977)	(1.594.833.977)
140	III Hàng tồn kho	8	131.460.326.306	118.479.971.835
141	1. Hàng tồn kho		131.460.326.306	118.479.971.835
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.257.863.783	431.952.734
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	503.285.020	431.657.882
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		754.578.763	294.852
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.909.818.834</b>	<b>9.935.594.988</b>
220	I Tài sản cố định		8.750.798.794	9.681.578.250
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.750.798.794	9.681.578.250
222	- Nguyên giá		96.580.212.004	96.580.212.004
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(87.829.413.210)	(86.898.633.754)
260	II Tài sản dài hạn khác		159.020.040	254.016.738
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	159.020.040	254.016.738
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>279.745.510.927</b>	<b>278.119.488.082</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		111.509.076.177	107.878.487.680
310	I. Nợ ngắn hạn		111.484.076.177	107.853.487.680
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	52.268.175.090	42.977.672.309
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	1.874.354.689	979.982.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	205.128.204	1.710.818.202
314	4. Phải trả người lao động		902.826.844	1.809.286.301
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	166.822.580	226.268.728
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	197.431.619	125.197.093
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	55.159.769.349	59.368.694.941
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		709.567.802	655.567.802
330	II. Nợ dài hạn		25.000.000	25.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	25.000.000	25.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		168.236.434.750	170.241.000.402
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	168.236.434.750	170.241.000.402
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		156.000.000.000	156.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		156.000.000.000	156.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.044.700.000	5.044.700.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.935.481.827	7.935.481.827
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(743.747.077)	1.260.818.575
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		67.028.575	50.962.169
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(810.775.652)	1.209.856.406
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		279.745.510.927	278.119.488.082

Ngô Thị Hiếu  
Người lập

Ngô Thị Hiếu  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Tâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	140.315.152.100	164.291.236.104
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	4.935.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		140.315.152.100	164.286.301.104
11	4. Giá vốn hàng bán	20	129.578.837.200	150.448.887.285
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.736.314.900	13.837.413.819
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14.330.233	131.671.666
22	7. Chi phí tài chính	22	2.069.234.657	3.139.848.665
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.554.907.491	2.636.189.783
25	8. Chi phí bán hàng	23	4.384.422.301	5.245.966.999
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.924.044.838	5.927.706.569
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(627.056.663)	(344.436.748)
31	11. Thu nhập khác	25	26.140.313	56.043.265
32	12. Chi phí khác	26	139.320.704	16.597.725
40	13. Lợi nhuận khác		(113.180.391)	39.445.540
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(740.237.054)	(304.991.208)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	70.538.598	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(810.775.652)	(304.991.208)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	(52)	(20)

Ngô Thị Hiếu

Ngô Thị Hiếu  
Người lập

Ngô Thị Hiếu

Ngô Thị Hiếu  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Tâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		158.618.981.032	195.102.083.628
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(145.740.129.639)	(165.730.682.474)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.658.283.245)	(9.946.210.185)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.579.729.194)	(2.671.020.300)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(853.344.430)	(545.491.825)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.638.892	1.639.927.169
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.147.782.374)	(9.532.985.729)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.339.648.958)</b>	<b>8.315.620.284</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(95.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	39.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.094.046	12.508.763
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>7.094.046</b>	<b>(43.491.237)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		80.498.027.208	80.340.700.999
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(84.706.952.800)	(99.927.799.224)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.060.800.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(5.269.725.592)</b>	<b>(19.587.098.225)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(7.602.280.504)</b>	<b>(11.314.969.178)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>25.329.997.128</b>	<b>27.999.382.831</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		458.198	111.646
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>17.728.174.822</b>	<b>16.684.525.299</b>

Ngô Thị Hiếu  
Người lậpNgô Thị Hiếu  
Kế toán trưởngNgô Hữu Tâm  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long (tiền thân là Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102306413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 156.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 156.000.000.000 VND; tương đương 15.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 69 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 108 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại: Sản xuất, kinh doanh các loại dây (kể cả dây dẫn điện tử) và cáp; Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh; Môi giới thương mại;
- Sản xuất linh kiện điện tử: Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử và tin học;
- Sản xuất truyền thông: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị bu chính, viễn thông; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác; Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện gia dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành bu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học; Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xử lý dữ liệu cho thuê và các hoạt động liên quan.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty là một trong những đơn vị đi đầu trong sản xuất sản xuất dây cáp (cáp quang, cáp điện) và thiết bị điện, phát triển các thiết bị đầu cuối cho mạng viễn thông, sợi quang phục vụ quá trình số hóa mạng lưới viễn thông và internet. Trong thời gian vừa qua, tốc độ phát triển của lĩnh vực viễn thông và internet chậm lại, các nền tảng công nghệ mới chưa được cập nhật phổ biến trong khi đó các công nghệ cũ đã dần được đồng bộ và phổ biến trên toàn thế giới và cả trong nước, điều này dẫn đến sản lượng sản phẩm bán ra và giá bán của các sản phẩm mà Công ty cung cấp đều biến động giảm khiến cho doanh thu kỳ này của Công ty sụt giảm đáng kể. Trong khi đó, các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp luôn được giữ ở mức ổn định, ít biến động. Các yếu tố trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế kỳ này ghi nhận khoản lỗ 810,755 triệu VND.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

**2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ được xác định theo đơn giá thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành. Trong đó số lượng sản phẩm chưa hoàn thành được xác định theo kết quả kiểm kê thực tế.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

## 2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn trên hợp đồng bảo hiểm.

- Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng tuy nhiên không đủ điều kiện để ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định theo quy định hiện hành, các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

## 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

### 2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn.
- Khoản lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

**2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

trong kỳ

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất cáp viễn thông, dây và cáp điện chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.075.715.286	777.406.056
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.652.459.536	24.552.591.072
	<u><u>17.728.174.822</u></u>	<u><u>25.329.997.128</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**

Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<b>17.976.866.204</b>	-	<b>18.641.770.689</b>	-
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	17.697.278.104	-	17.498.711.189	-
- Tổng Công ty Hạ tầng Mạng	279.588.100	-	1.143.059.500	-
<i>Bên khác</i>	<b>100.130.099.966</b>	<b>(1.594.833.977)</b>	<b>103.962.095.705</b>	<b>(1.594.833.977)</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Anphanet	31.187.037.195	-	32.974.950.671	-
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	-	-	2.491.152.536	-
- Công ty cổ phần Tập đoàn Nhật Vỹ	20.735.438.880	-	29.643.192.872	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	36.059.472.000	-	25.292.736.000	-
Các khách hàng khác	12.148.151.891	(1.594.833.977)	13.560.063.626	(1.594.833.977)
	<b>118.106.966.170</b>	<b>(1.594.833.977)</b>	<b>122.603.866.394</b>	<b>(1.594.833.977)</b>

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>3.155.967.097</b>	-	<b>1.376.328.489</b>	-
- Borouge	-	-	1.376.327.700	-
- Công ty Cổ phần Công thương Đông Phương	1.879.041.941	-	-	-
- Dow Chemical Pacific Limited	602.279.180	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển TTH Việt Nam	508.315.500	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	166.330.476	-	789	-
	<b>3.155.967.097</b>	-	<b>1.376.328.489</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	351.324.998	-	1.217.187.000	-
Ký cược, ký quỹ	202.329.389	-	191.329.389	-
Phải thu khác	167.573.505	-	148.094.102	-
	<b>721.227.892</b>	<b>-</b>	<b>1.556.610.491</b>	<b>-</b>

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Quốc tế (TSJ)	259.463.651	-	259.463.651	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Ánh Quang	122.451.402	-	122.451.402	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Thiên Ân	100.787.140	-	100.787.140	-
- Công ty TNHH Tin học và Viễn thông Đại Gia Phát	100.068.541	-	100.068.541	-
- Công ty Cổ phần Cấp quang và Thông tin Bưu điện	397.191.707	-	397.191.707	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông KOLIA Hà Nội	614.871.536	-	614.871.536	-
	<b>1.594.833.977</b>	<b>-</b>	<b>1.594.833.977</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.980.006.394	-	36.060.741.552	-
Công cụ, dụng cụ	1.515.293	-	1.330.293	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.047.469.692	-	23.750.565.269	-
Thành phẩm	19.753.475.325	-	17.932.419.864	-
Hàng hoá	45.677.859.602	-	40.734.914.857	-
	<b>131.460.326.306</b>	<b>-</b>	<b>118.479.971.835</b>	<b>-</b>

Trong đó:

- Giá trị của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ:

**50.000.000.000 VND.**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG  
DN: CN=VN, SN=HÀ NỘI, L=Huyện Gia Lâm, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102306413  
Reason: I am the author of this document  
Date: 2024.08.08 16:31:23+0700  
Foxit PDF Reader Version: 2024.2.2

**TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	7.208.403.768	84.658.896.138	4.665.530.892	47.381.206	96.580.212.004
Số dư cuối kỳ	<b>7.208.403.768</b>	<b>84.658.896.138</b>	<b>4.665.530.892</b>	<b>47.381.206</b>	<b>96.580.212.004</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.636.578.778	78.782.072.218	2.432.601.552	47.381.206	86.898.633.754
- Khấu hao trong kỳ	180.210.090	572.163.870	178.405.496	-	930.779.456
Số dư cuối kỳ	<b>5.816.788.868</b>	<b>79.354.236.088</b>	<b>2.611.007.048</b>	<b>47.381.206</b>	<b>87.829.413.210</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	1.571.824.990	5.876.823.920	2.232.929.340	-	9.681.578.250
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.391.614.900</b>	<b>5.304.660.050</b>	<b>2.054.523.844</b>	-	<b>8.750.798.794</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 7.402.388.739 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 74.459.603.712 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**

Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng nhà máy	48.798.019	186.333.724
Công cụ dụng cụ xuất dùng	167.246.307	27.741.658
Tiền thuê đất	246.465.366	82.155.120
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	40.775.328	135.427.380
	<b>503.285.020</b>	<b>431.657.882</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng nhà máy	159.020.040	254.016.738
	<b>159.020.040</b>	<b>254.016.738</b>

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>106.150.000</b>	<b>106.150.000</b>	<b>187.671.000</b>	<b>187.671.000</b>
- Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam	106.150.000	106.150.000	187.671.000	187.671.000
<b>Bên khác</b>	<b>52.162.025.090</b>	<b>52.162.025.090</b>	<b>42.790.001.309</b>	<b>42.790.001.309</b>
- Công ty TNHH Vinacompound	3.393.800.300	3.393.800.300	1.993.725.800	1.993.725.800
- Nantong Sanmuseng Import And Export Trading Co., Ltd	2.221.679.660	2.221.679.660	1.133.727.560	1.133.727.560
- Công ty cổ phần thiết bị viễn thông Quang Thông	35.750.608.200	35.750.608.200	24.805.323.900	24.805.323.900
- Công ty cổ phần Recoin	1.489.296.005	1.489.296.005	2.543.727.405	2.543.727.405
- Zhongtian technology fibre optics co.,ltd	2.943.971.670	2.943.971.670	2.260.428.509	2.260.428.509
- Đối tượng khác	6.362.669.255	6.362.669.255	10.053.068.135	10.053.068.135
	<b>52.268.175.090</b>	<b>52.268.175.090</b>	<b>42.977.672.309</b>	<b>42.977.672.309</b>

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH viễn thông Vạn Phú	345.998.822	345.998.822
Công ty Cổ phần cấp quang Việt Nam Vina - OFC	-	225.157.405
Công ty Cổ phần Giải pháp Dịch vụ Trường Việt	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Công nghệ Châu Long	461.958.200	-
Đối tượng khác	816.397.667	408.826.077
	<b>1.874.354.689</b>	<b>979.982.304</b>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	861.090.655	4.446.480.622	5.307.571.277	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	17.450.099	17.450.099	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	782.805.832	70.538.598	853.344.430	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	66.921.715	249.435.181	269.849.181	-	46.507.715
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	328.620.489	170.000.000	-	158.620.489
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>1.710.818.202</b>	<b>5.115.524.989</b>	<b>6.621.214.987</b>	-	<b>205.128.204</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	46.670.820	71.492.523
- Chi phí điện, điện thoại	120.151.760	154.776.205
	<u><b>166.822.580</b></u>	<u><b>226.268.728</b></u>

**15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	147.916.763	103.411.483
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	748.800	748.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.766.056	21.036.810
	<u><b>197.431.619</b></u>	<u><b>125.197.093</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25.000.000	25.000.000
	<u><b>25.000.000</b></u>	<u><b>25.000.000</b></u>

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**  
Thị trấn Yên Viên, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

**TỔNG VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (1)	29.094.058.693	29.094.058.693	20.327.359.787	33.328.914.515	16.092.503.965	16.092.503.965
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	18.591.191.541	18.591.191.541	48.218.837.491	37.413.800.848	29.396.228.184	29.396.228.184
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (3)	11.683.444.707	11.683.444.707	11.951.829.930	13.964.237.437	9.671.037.200	9.671.037.200
	<b>59.368.694.941</b>	<b>59.368.694.941</b>	<b>80.498.027.208</b>	<b>84.706.952.800</b>	<b>55.159.769.349</b>	<b>55.159.769.349</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 334996224 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ngày 30/01/2024, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thiết bị điện, thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin theo Đăng ký kinh doanh của Công ty;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng;
  - + Lãi suất cho vay: Thay đổi theo từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 16.092.503.965 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hàng hóa, khoản phải thu và các tài sản đảm bảo/ Biện pháp bảo đảm được các bên thỏa thuận sử dụng bảo đảm phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng này.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/CTD/VCBHN - VINACAP-KL của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ngày 03/10/2023, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Mục đích sử dụng được quy định cụ thể tại các Hợp đồng cho vay, Hợp đồng phát hành thư tín dụng và Thỏa thuận cấp bảo lãnh được lập kèm Hợp đồng tín dụng;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng này nhưng không được vượt quá ngày 29/10/2024;
  - + Lãi suất cho vay: Thay đổi theo từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 29.396.228.184 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hàng hóa, khoản phải thu và các tài sản đảm bảo/ Biện pháp bảo đảm được các bên thỏa thuận sử dụng bảo đảm phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng này.
- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1736932/ HSTD của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh ngày 27/07/2023, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức đến ngày 30/06/2024;
  - + Lãi suất cho vay: Xác định theo từng Hợp đồng cụ thể;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 9.671.037.200 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hàng hóa, khoản phải thu và các tài sản đảm bảo/ Biện pháp bảo đảm được các bên thỏa thuận sử dụng bảo đảm phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**

Độc Văn, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu kỳ trước	156.000.000.000	5.044.700.000	7.935.481.827	1.541.428.401	170.521.610.228	
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(304.991.208)	(304.991.208)	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.326.000.000)	(1.326.000.000)	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(148.466.232)	(148.466.232)	
Giảm khác	-	-	-	(16.000.000)	(16.000.000)	
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>156.000.000.000</b>	<b>5.044.700.000</b>	<b>7.935.481.827</b>	<b>(254.029.039)</b>	<b>168.726.152.788</b>	
Số dư đầu kỳ này	156.000.000.000	5.044.700.000	7.935.481.827	1.260.818.575	170.241.000.402	
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(810.775.652)	(810.775.652)	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.193.790.000)	(1.193.790.000)	
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>156.000.000.000</b>	<b>5.044.700.000</b>	<b>7.935.481.827</b>	<b>(743.747.077)</b>	<b>168.236.434.750</b>	

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	1.260.818.575
Trích thù lao Hội đồng quản trị	0,95	12.090.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,59	120.900.000
Chi trả cổ tức (bằng 0,68% vốn điều lệ)	84,14	1.060.800.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5,32	67.028.575

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**

Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	32,00	49.920.000.000	32,00	49.920.000.000
Bà Ngô Thị Kiều Trang	16,94	26.428.600.000	16,94	26.428.600.000
Bà Nguyễn Thanh Hà	12,74	19.873.360.000	12,74	19.873.360.000
Ông Ngô Phúc Lâm	10,40	16.229.360.000	10,40	16.229.360.000
Các cổ đông khác	27,92	43.548.680.000	27,92	43.548.680.000
	<b>100</b>	<b>156.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>156.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	156.000.000.000	156.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>156.000.000.000</u>	<u>156.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>156.000.000.000</u>	<u>156.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	748.800	748.800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	1.060.800.000	1.326.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	1.060.800.000	1.326.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(1.060.800.000)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(1.060.800.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>748.800</u>	<u>1.326.748.800</u>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.600.000	15.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.600.000	15.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.600.000	15.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.600.000	15.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.600.000	15.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.935.481.827	7.935.481.827
	<u>7.935.481.827</u>	<u>7.935.481.827</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**Đức Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê văn phòng làm việc theo hợp đồng thuê văn phòng số 01/2024/HDTN/VNC-KH với ông Phạm Hồng Sắc tại tầng 2, số 166 Trần Vỹ, Mai Dịch, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với diện tích 96 m<sup>2</sup>, thời gian thuê từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2028. Theo hợp đồng này Công ty phải trả tiền thuê hàng tháng.

Công ty nhận được quyết định cho thuê đất số 6385/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại thôn Yên Viên, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc, nhà xưởng sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 12.521,4 m<sup>2</sup>. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	619,04	406,09
- Đồng Euro (EUR)	80,97	86,00

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	87.553.349.476	127.006.470.584
Doanh thu bán hàng hóa	52.476.966.741	36.889.532.020
Doanh thu cung cấp dịch vụ	284.835.883	395.233.500
	<b>140.315.152.100</b>	<b>164.291.236.104</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b>36.598.679.580</b>	<b>18.135.758.660</b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	80.759.644.596	120.854.708.061
Giá vốn của hàng hóa đã bán	48.819.192.604	29.594.179.224
	<b>129.578.837.200</b>	<b>150.448.887.285</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b>3.022.352.000</b>	<b>2.039.126.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**Độc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.094.046	12.508.763
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.236.187	77.864.051
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	41.298.852
	<b>14.330.233</b>	<b>131.671.666</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.554.907.491	2.636.189.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	399.883.602	464.422.982
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	70.656.264	-
Chi phí tài chính khác	43.787.300	39.235.900
	<b>2.069.234.657</b>	<b>3.139.848.665</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.309.091	-
Chi phí nhân công	2.054.962.622	2.606.059.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	18.745.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.592.264.128	2.001.675.320
Chi phí khác bằng tiền	721.134.210	600.179.745
Chi phí bảo hành	1.752.250	19.306.351
	<b>4.384.422.301</b>	<b>5.245.966.999</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.358.989	214.712.388
Chi phí nhân công	2.659.246.479	3.117.863.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.640.326	113.894.505
Thuế, phí, lệ phí	5.320.000	4.580.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.083.025.530	1.242.524.504
Chi phí khác bằng tiền	821.453.514	1.234.131.487
	<b>4.924.044.838</b>	<b>5.927.706.569</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**Độc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**25 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	39.000.000
Tiền phạt thu được	26.140.313	17.043.265
	<b>26.140.313</b>	<b>56.043.265</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	139.320.704	16.597.725
	<b>139.320.704</b>	<b>16.597.725</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(740.237.054)	(304.991.208)
Các khoản điều chỉnh tăng	139.320.704	-
- Chi phí không hợp lệ	139.320.704	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(41.298.852)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(41.298.852)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(600.916.350)	(346.290.060)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	70.538.598	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	782.805.832	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(853.344.430)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(810.775.652)	(304.991.208)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(810.775.652)	(304.991.208)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.600.000	15.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(52)</b>	<b>(20)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.144.286.155	90.456.930.302
Chi phí nhân công	6.856.443.724	8.430.068.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	930.779.456	917.778.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.656.205.892	5.103.182.787
Chi phí khác bằng tiền	2.598.356.392	2.037.118.788
	<b>98.186.071.619</b>	<b>106.945.078.917</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**

Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền	16.652.459.536	-	-	16.652.459.536
Phải thu khách hàng, phải thu khác	118.828.194.062	-	-	118.828.194.062
	<u>135.480.653.598</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>135.480.653.598</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền	24.552.591.072	-	-	24.552.591.072
Phải thu khách hàng, phải thu khác	124.160.476.885	-	-	124.160.476.885
	<u>148.713.067.957</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>148.713.067.957</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Vay và nợ	55.159.769.349	-	-	55.159.769.349
Phải trả người bán, phải trả khác	52.465.606.709	25.000.000	-	52.490.606.709
Chi phí phải trả	166.822.580	-	-	166.822.580
	<u>107.792.198.638</u>	<u>25.000.000</u>	<u>-</u>	<u>107.817.198.638</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	59.368.694.941	-	-	59.368.694.941
Phải trả người bán, phải trả khác	43.102.869.402	25.000.000	-	43.127.869.402
Chi phí phải trả	226.268.728	-	-	226.268.728
	<u>102.697.833.071</u>	<u>25.000.000</u>	<u>-</u>	<u>102.722.833.071</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (*) Tổng Công ty Hạ tầng mạng	Cổ đông lớn Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty TNHH Một thành viên Cấp quang	Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Viễn thông TELVINA Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Các hệ thống viễn thông VNPT – FUJITSU	Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần HACISCO	Công ty liên kết của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông	Công ty liên kết của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Ông Ngô Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên HĐQT
Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Ninh	Trưởng ban BKS
Ông Vũ Hoàng Công	Thành viên ban BKS
Ông Đinh Quang Hữu	Thành viên ban BKS

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG**Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</b>	<b>36.598.679.580</b>	<b>18.135.758.660</b>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (*)	34.220.023.080	15.074.664.220
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	322.971.000	612.160.000
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam	2.055.685.500	138.000.000
Công ty Cổ phần HACISCO	-	2.310.934.440
<b>Mua hàng hóa</b>	<b>3.022.352.000</b>	<b>2.039.126.524</b>
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam	320.150.000	89.624.524
Công ty Cổ phần Viễn thông TELVINA Việt Nam	2.652.702.000	1.949.502.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	49.500.000	-
<b>Lãi chậm trả cổ tức năm 2022</b>	<b>-</b>	<b>16.547.454</b>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (*)	-	16.547.454

(\*) Giao dịch và số dư với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam là với các Viễn thông, Trung tâm kinh doanh trực thuộc Tập đoàn.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023	
	VND	VND	
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>			
Ông Ngô Hoàng Phương	Chủ tịch	116.114.192	79.870.863
Ông Ngô Hữu Tâm	Tổng Giám đốc	363.145.077	250.940.185
Ông Hoàng Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	208.111.565	152.092.308

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.



**Ngô Thị Hiếu**  
Người lập



**Ngô Thị Hiếu**  
Kế toán trưởng



**Ngô Hữu Tâm**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024